

Số: 146/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định chế độ, lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ, lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định chế độ, lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Trường hợp các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các văn bản hướng dẫn của chương trình, đề án đó.

b) Thông tư này không điều chỉnh đối với kinh phí cho bộ máy quản lý đào tạo du học sinh ở nước ngoài được ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách cấp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cử du học sinh đi học (sau đây gọi là Cơ quan cử du học sinh đi học) hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng

a) Du học sinh được cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng trong khuôn khổ hiệp định, thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài.

b) Du học sinh được cử đi học, đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Cơ quan cử du học sinh đi học, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo phân cấp ngân sách.

2. Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương; các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Cơ sở đào tạo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Thông tư này có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan, đúng đối tượng, mục đích, chế độ, định mức chi do cơ quan có thẩm quyền quy định; chịu sự thanh tra, kiểm toán và giám sát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bảo đảm thuận tiện cho du học sinh.

2. Cơ quan cử du học sinh đi học chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí, đánh giá, tổng hợp kết quả đào tạo thường xuyên, định kỳ theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Ưu tiên sử dụng các khoản viện trợ, tài trợ, đóng góp để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài phù hợp với các quy định của pháp luật và thỏa thuận với nhà tài trợ; đồng thời ngân sách nhà nước không bố trí cho các nội dung đã được viện trợ, tài trợ, đóng góp.

4. Việc cấp học bổng, không cấp học bổng cho du học sinh trong trường hợp phải kéo dài thời gian học tập; vé máy bay về nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2021/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Chi đào tạo trong nước

1. Học phí và các khoản liên quan đến học phí phải trả cho cơ sở đào tạo tại Việt Nam trong trường hợp khóa học có phần thời gian đào tạo, bồi dưỡng tại Việt Nam được chi bằng đồng Việt Nam theo quy định về học phí.

2. Mức chi tối đa đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này tương đương 3.500 USD/năm học (ba nghìn năm trăm đô la Mỹ) cho một nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ; 3.000 USD/năm học (ba nghìn đô la Mỹ) cho một học viên đào tạo trình độ thạc sĩ; 2.500 USD/năm học (hai nghìn năm trăm đô la Mỹ) cho một sinh viên đào tạo trình độ đại học theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định hàng tháng.

3. Trong mức chi tối đa quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm khoản chi hỗ trợ người học trong thời gian học tập tại Việt Nam với mức hỗ trợ như sau:

- a) Đào tạo trình độ tiến sĩ: 1.050.000 đồng Việt Nam/1người/1tháng;
- b) Đào tạo trình độ thạc sĩ: 900.000 đồng Việt Nam/1người/1tháng;
- c) Đào tạo trình độ đại học: 750.000 đồng Việt Nam/1người/1tháng.

Điều 5. Chi đào tạo ở nước ngoài

1. Học phí và các khoản liên quan đến học phí

a) Học phí và các khoản liên quan đến học phí phải trả cho các cơ sở đào tạo nước ngoài được thanh toán theo hợp đồng hoặc theo mức do cơ sở đào tạo ở nước ngoài thông báo trong giấy tiếp nhận học viên được chỉ bằng đồng đô la Mỹ hoặc bằng đồng tiền nước sở tại. Trường hợp du học sinh phải tự nộp học phí và các khoản liên quan đến học phí trước theo yêu cầu của cơ sở đào tạo để bảo đảm điều kiện nhập học thì được hoàn trả học phí trên cơ sở chứng từ, văn bản hợp lệ xác nhận việc nộp học phí của cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

b) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị của Cơ quan cử du học sinh đi học, Kho bạc Nhà nước chuyển kinh phí tương ứng cho cơ sở đào tạo ở nước ngoài hoặc chi trả cho du học sinh trong trường hợp du học sinh đã nộp học phí và các khoản liên quan đến học phí trước theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

2. Sinh hoạt phí

a) Sinh hoạt phí của du học sinh được cấp từ ngày nhập học đến ngày kết thúc thực tế nhưng không vượt quá thời gian ghi trong quyết định cử đi học của Cơ quan cử du học sinh đi học.

b) Mức sinh hoạt phí đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này do cơ quan cử du học sinh đi học xem xét, quyết định thực hiện theo một trong các trường hợp sau:

- Trường hợp nước ký kết hiệp định, thỏa thuận có quy định mức hỗ trợ sinh hoạt phí cụ thể tại hiệp định, thỏa thuận hoặc thông báo tiếp nhận của phía nước ngoài thấp hơn mức sinh hoạt phí quy định tại Cột A Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, du học sinh được cấp bù phần chênh lệch.

- Trường hợp nước ký kết hiệp định, thỏa thuận không quy định mức hỗ trợ sinh hoạt phí cụ thể tại hiệp định, thỏa thuận hoặc thông báo tiếp nhận của phía nước ngoài, du học sinh được hỗ trợ theo mức quy định tại Cột B Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp nước ký kết hiệp định, thỏa thuận không hỗ trợ sinh hoạt phí thì du học sinh được cấp sinh hoạt phí theo quy định tại cột A Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Mức sinh hoạt phí đối với các đối tượng không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này: Thực hiện theo mức chi tại cột A Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Du học sinh khi bắt đầu khóa học ở nước ngoài được cấp trước chi phí đi đường và từ 03 đến 06 tháng tiền sinh hoạt phí tại Việt Nam. Cơ quan cử du học sinh đi học quyết định thời gian cấp cụ thể bảo đảm dễ theo dõi, dễ hạch toán; chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc chi trả cho du học sinh.

Trường hợp nhận sinh hoạt phí tại Việt Nam trong thời gian về nước công tác theo quy định; thực tập, thu thập tài liệu, được nghỉ học, nghỉ lễ theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài, Cơ quan cử du học sinh đi học chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan làm thủ tục cấp phát tiền sinh hoạt phí cho du học sinh theo chế độ quy định; bảo đảm thuận tiện cho du học sinh. Số tiền sinh hoạt phí đã được cấp phát tại Việt Nam sẽ được giảm trừ tương ứng trong tổng số kinh phí tiền sinh hoạt phí của du học sinh theo chế độ quy định.

đ) Việc thanh toán sinh hoạt phí cho người học được cấp định kỳ theo quý hoặc 06 tháng/lần, bảo đảm không ảnh hưởng đến việc học tập, nghiên cứu của người học. Trường hợp đặc biệt (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, khó khăn khi chuyển tiền ra nước ngoài...), du học sinh báo cáo Cơ quan cử du học sinh đi học xem xét, quyết định cấp phát đối với từng trường hợp cụ thể nhưng tối đa không quá 12 tháng/lần.

e) Đối với một số nước chưa được quy định trong Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, Cơ quan cử du học sinh đi học xem xét, quyết định, thanh toán mức chi theo mức trung bình của các nước cùng châu lục, địa bàn và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí vé máy bay, tàu, xe và các phương tiện giao thông khác; chi phí đi đường

a) Du học sinh được cấp 01 lượt vé từ Việt Nam đến nơi học tập và 01 lượt vé từ nơi học tập về Việt Nam cho mỗi khóa học, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Thông tư này.

b) Nội dung và mức chi thực hiện như chế độ áp dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

c) Trường hợp du học sinh tự mua vé lượt về thì khi về nước, việc thanh toán hoàn trả cho du học sinh căn cứ hoá đơn mua vé hợp lệ, thẻ lên máy bay, bản chụp hộ chiếu (các trang có dán ảnh, thị thực có visa, dấu xuất nhập cảnh phù hợp với thời gian du học); tối đa không quá mức vé theo hình thức thông báo vé trả tiền trước tại Việt Nam cho hạng phổ thông do các hãng hàng không hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam đã thông báo.

d) Chi phí đi đường (để bù đắp các khoản lệ phí sân bay Việt Nam và thuê phương tiện từ sân bay về nơi ở) được cấp một lần với mức khoán là 100 USD/du học sinh (một trăm đô la Mỹ) cho suốt quá trình học tập theo quyết định.

4. Các chi phí khác liên quan

a) Bảo hiểm y tế bắt buộc

Mức bảo hiểm y tế bắt buộc được thực hiện thanh toán theo mức quy định của nước sở tại (căn cứ theo mức thông báo trong giấy tiếp nhận du học sinh của cơ sở đào tạo) và được cấp bằng đô la Mỹ hoặc bằng đồng tiền của nước sở tại, tối đa không vượt quá 1.000 USD/người/năm (một nghìn đô la Mỹ).

Trường hợp mức bảo hiểm y tế bắt buộc của nước sở tại vượt quá 1.000 USD/người/năm (một nghìn đô la Mỹ) hoặc du học sinh có nguyện vọng mua bảo hiểm y tế ở mức cao hơn mức quy định tại Thông tư này thì phải tự bù phần chênh lệch.

Trường hợp du học sinh phải tự mua bảo hiểm y tế bắt buộc trước theo yêu cầu của nước sở tại thì sẽ được thanh toán hoàn trả căn cứ chứng từ, xác nhận hợp lệ việc nộp bảo hiểm y tế hợp lệ theo quy định hiện hành nhưng không vượt quá mức quy định tại khoản này.

b) Chi phí làm hộ chiếu, visa: Thanh toán theo mức quy định của nhà nước đối với các chi phí làm hộ chiếu; hoá đơn lệ phí visa thực tế của các nước nơi người học được cử đi đào tạo.

c) Chi khen thưởng cho du học sinh: Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng và pháp luật liên quan.

d) Cước phí vận chuyển thi hải hoặc tro cốt về nước trong trường hợp du học sinh tử vong do thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc những trường hợp khác không do lỗi của du học sinh trong thời gian học tập ở nước ngoài: Hỗ trợ toàn bộ cước phí vận chuyển hoặc hỗ trợ phần còn thiếu của cước phí vận chuyển này sau khi bảo hiểm đã chi trả.

Căn cứ vào đề nghị của gia đình du học sinh, cơ quan cử du học sinh đi học chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự chịu trách nhiệm kiểm tra, xem xét cụ thể đối với từng trường hợp và lập phương án hỗ trợ.

e) Chi phí chuyển và nhận tiền qua ngân hàng theo quy định của ngân hàng nước sở tại (nếu có).

Điều 6. Lập dự toán; phân bổ, giao dự toán; quản lý sử dụng và quyết toán

1. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ sử dụng ngân sách đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài lập dự toán, tổng hợp vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý cấp

trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ dự toán hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ, giao dự toán kinh phí đào tạo du học sinh ở nước ngoài cho đơn vị sử dụng dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; chi tiết cho từng nhiệm vụ chi cụ thể tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

3. Việc quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 7. Thủ tục thanh toán qua Kho bạc Nhà nước

1. Việc cấp phát và chi trả kinh phí thực hiện theo các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2. Về thủ tục thanh toán các khoản chi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng qua Kho bạc nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước. Kho bạc Nhà nước sau khi thanh toán thực hiện việc hạch toán chi ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

2. Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGD-BNG ngày 05 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn chế độ cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 206/2010/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGD-BNG hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các khoản chi một lần cho du học sinh; bảo hiểm y tế bắt buộc năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bố trí kinh phí và chi trả trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2007/TTLT-BTC-BGD-BNG, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 206/2010/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG.

4. Đối với kinh phí đào tạo du học sinh Việt Nam ở nước ngoài năm 2026, các Cơ quan cử du học sinh đi học chủ động bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện. Trường hợp nhu cầu kinh phí phát sinh vượt khả năng cân đối, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương có văn bản kèm theo hồ sơ thuyết minh, giải trình (nội dung đề xuất, cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, nhu cầu kinh phí, ...) gửi các cơ quan có liên quan theo quy định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN. (130 bản)

KT. BỘ TRƯỞNG

TÀI THƯ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục
MỨC SINH HOẠT CỦA DU HỌC SINH ĐI HỌC Ở NƯỚC NGOÀI
BẢNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Thông tư số 146/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên nước, vùng lãnh thổ	Mức sinh hoạt phí toàn phần (USD/người/ tháng)	Mức cấp sinh hoạt phí diện Hiệp định (USD/người/tháng)
	A	B
Ấn Độ	455	455
Trung Quốc	455	293
Đài Loan (Trung Quốc)	455	
Campuchia, Lào	390	270
Mông Cổ	390	330
Hàn Quốc, Xinh-ga-po	650	
Hồng Kông (Trung Quốc)	650	
Thái Lan, Phi-lip-pin, Malaysia, In-đô-nê-xi-a, Brunei	390	390
Ba Lan	520	520
Bun-ga-ri	520	420
Hung-ga-ri	520	420
Cộng hoà Séc	520	420
Cộng hoà Xlô-va-ki-a	520	420
Ru-ma-ni	520	460
U-crai-na, Bê-la-rút	520	500
Liên bang Nga	520	460
Ca-dắc-xtan	520	460
Môn-đô-va	520	460
Cuba	390	390
Các nước Tây, Bắc Âu	1.200	
Hoa Kỳ, Ca-na-da, Anh, Nhật Bản	1.300	
Úc, Niu Di-lân	1.200	
Ai Cập	585	585
Ma - rốc, Mô - dăm - bíc, Li-bi, Ăng-gô-la		375
Ăc-mê-ni-a	520	460
Pa-le-xtin	585	585
U-dơ-bê-ki-xtan	520	460
Cư-rơ-gư-xtan	520	460
Xri Lan-ca	455	455